

V/v thư mời báo giá thiết bị điện

Kính gửi: Các Quý Công ty, Doanh nghiệp.

Đầu tiên Công ty Điện lực Cao Bằng xin gửi tới Quý Công ty, Doanh nghiệp lời chào trân trọng. Cảm ơn các quý Công ty, Doanh nghiệp, đã hợp tác, đồng hành với chúng tôi trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đang có nhu cầu mua sắm thiết bị điện. Cụ thể như sau:

(Có bảng danh mục thiết bị cần báo giá đính kèm)

Các quý Công ty, Doanh nghiệp, quan tâm, chúng tôi kính mời cung cấp báo giá gửi thông tin chi tiết liên hệ:

- Phòng Kế hoạch vật tư Công ty Điện lực Cao Bằng
 - Số điện thoại: 0263 852 560.
 - Email: pccaobang@gmail.com
 - Địa chỉ: đường Pác Bó, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
 - Thời gian nhận báo giá: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày thông báo.
- Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc ;
- Lưu: VT, KHVT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Xuân Linh

Phụ lục
HÀNG HÓA CẦN BÁO GIÁ- MÁY BIẾN ÁP

TT	Tên VTTB	Thông số kỹ thuật	Kiểu loại/Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT
1	Tủ PP hạ thế - 75A- 03 lộ ra 50	Tủ PP hạ thế - 75A- 03 lộ ra 50		tủ	1		
2	Tủ PP hạ thế -100A- 03 lộ ra 75A	Tủ PP hạ thế -100A- 03 lộ ra 75A		tủ	1		
3	Tủ PP hạ thế -150A- 03 lộ ra 100A	Tủ PP hạ thế -150A- 03 lộ ra 100A		tủ	1		
4	Tủ PP hạ thế - 300A- 03 lộ ra 200A	Tủ PP hạ thế - 300A- 03 lộ ra 200A		tủ	5		
5	Tủ PP hạ thế - 400A- 04 lộ ra 200A	Tủ PP hạ thế - 400A- 04 lộ ra 200A		tủ	5		
6	Tủ PP hạ thế - 500A- 04 lộ ra 250A	Tủ PP hạ thế - 500A- 04 lộ ra 250A		tủ	1		
7	Tủ PP hạ thế - 600A- 04 lộ ra 250A	Tủ PP hạ thế - 600A- 04 lộ ra 250A		tủ	1		
8	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 630A	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 630A + Loại nối đất 1 phía + Điện áp chịu đựng xung sét 1,2/50 μ s: ≥ 150 kVpeak + Điện áp định mức/Điện áp làm việc Max: $\geq 22/24$ kV + Dòng điện định mức: ≥ 630 + Dòng điện ngắn mạch định mức (1s): ≥ 25 kArms + Số lần đóng cắt cơ khí không phải bảo dưỡng: 10.000 lần		bộ	1		
9	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 630A	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 630A + Loại nối đất 1 phía + Điện áp chịu đựng xung sét 1,2/50 μ s: ≥ 185 kVpeak + Điện áp định mức/Điện áp làm việc Max: $\geq 35/38,5$ kV + Dòng điện định mức: ≥ 630		bộ	1		

TT	Tên VTTB	Thông số kỹ thuật	Kiểu loại/Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT
		+ Dòng điện ngắn mạch định mức (1s): ≥ 25 kArms + Số lần đóng cắt cơ khí không phải bảo dưỡng: 10.000 lần					
10	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém đứng) - 630A	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém đứng) - 630A + Điện áp chịu đựng xung sét 1,2/50 μ s: ≥ 150 kVpeak + Điện áp định mức/Điện áp làm việc Max: $\geq 22/24$ kV + Dòng điện định mức: ≥ 630 + Dòng điện ngắn mạch định mức (1s): ≥ 25 kArms + Số lần đóng cắt cơ khí không phải bảo dưỡng: 10.000 lần		bộ	2		
11	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém đứng) - 630A	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém đứng) - 630A + Điện áp chịu đựng xung sét 1,2/50 μ s: ≥ 185 kVpeak + Điện áp định mức/Điện áp làm việc Max: $\geq 35/38,5$ kV + Dòng điện định mức: ≥ 630 + Dòng điện ngắn mạch định mức (1s): ≥ 25 kArms + Số lần đóng cắt cơ khí không phải bảo dưỡng: 10.000 lần		bộ	1		
12	Chống sét van cho TBA 22kV (chưa gồm đếm sét)	Chống sét van cho TBA 22kV (chưa gồm đếm sét) + Cấp chống sét van: DH + Điện áp làm việc lớn nhất: 24 kV + Điện áp định mức Ur: ≥ 18 Điện áp làm việc liên tục COV: $\geq 14,67$ kVrms + Dòng điện định mức: ≥ 10 kA + Dòng điện phóng đỉnh: ≥ 100 kA + Điện áp chịu đựng xung sét của cách điện (1,2/50 μ s): ≥ 125 kVpeak + Tần số định mức: 50Hz		quả	2		
13	Chống sét van cho TBA 35kV (chưa gồm đếm sét)	Chống sét van cho TBA 35kV (chưa gồm đếm sét) + Cấp chống sét van: DH hoặc Class 1 + Điện áp làm việc lớn nhất: 38,5 kV + Điện áp định mức Ur: ≥ 48 Điện áp làm việc liên tục COV: ≥ 38 kVrms + Dòng điện định mức: ≥ 10 kA + Dòng điện phóng đỉnh: ≥ 100 kA		quả	48		

TT	Tên VTTB	Thông số kỹ thuật	Kiểu loại/Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT
		+ Điện áp chịu đựng xung sét của cách điện (1,2/50μs): ≥ 180 kV _{peak} + Tần số định mức: 50Hz					
14	Hạt nổ chống sét van	Hạt nổ chống sét van		Cái	144		
15	Kẹp cực CSV 11KV, 35KV	Kẹp cực CSV 11KV, 35KV		Cái	144		
16	Cầu chì tự rơi 22kV (bộ 1 pha) - Polymer	Cầu chì tự rơi 22kV - 100A (bộ 1 pha) - Polymer		cái	0		
17	Cầu chì tự rơi 35kV (bộ 1 pha) - Polymer	Cầu chì tự rơi 35kV - 100A (bộ 1 pha) - Polymer		cái	13		
18	Cầu dao phụ tải có điều khiển 22kV 630A (Hàn Quốc)	Cầu dao phụ tải có điều khiển 22kV 630A (Hàn Quốc) + Cách điện khí SF6 + Rating: 24kV, 630A, 12,5kA/1s, 125kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cấp điều khiển và cấp nguồn + Giá lắp LBS + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104		bộ	1		
19	Cầu dao phụ tải có điều khiển 35kV 630A (Hàn Quốc)	Cầu dao phụ tải có điều khiển 35kV 630A (Hàn Quốc) + Cách điện khí SF6 + Rating: 36kV, 630A, 12,5kA/1s, 170kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cấp điều khiển và cấp nguồn + Giá lắp LBS + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104		bộ	17		
20	Cầu dao phụ tải có điều khiển 22kV 630A (Shneider)	Cầu dao phụ tải có điều khiển 22kV 630A (Shneider) + Cách điện khí SF6 + Rating: 24kV, 630A, 12,5kA/1s, 125kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc		bộ			

TT	Tên VTTB	Thông số kỹ thuật	Kiểu loại/Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT
		pin) + Cáp điều khiển và cáp nguồn + Giá lắp LBS + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104					
21	Cầu dao phụ tải có điều khiển 35kV 630A (Shneider)	Cầu dao phụ tải có điều khiển 35kV 630A (Shneider) + Cách điện khí SF6 + Rating: 36kV, 630A, 12,5kA/1s, 170kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cáp điều khiển và cáp nguồn + Giá lắp LBS + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104		bộ			
22	Recloser 22kV/630A (Hàn Quốc)	Recloser 22kV/630A (Hàn Quốc) + Cách điện khí SF6 + Rating: 24kV, 630A, 12,5kA/1s, 125kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cáp điều khiển và cáp nguồn + Giá lắp Recloser + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104		bộ	1		
23	Recloser 35kV/630A (Hàn Quốc)	Recloser 35kV/630A (Hàn Quốc) + Cách điện khí SF6 + Rating: 38kV, 630A, 12,5kA/1s, 170kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cáp điều khiển và cáp nguồn + Giá lắp Recloser + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104		bộ	2		
24	Recloser 22kV/630A (Shneider)	Recloser 22kV/630A (Shneider) + Cách điện khí SF6 + Rating: 24kV, 630A, 12,5kA/1s, 125kV BIL, 50Hz		bộ			

TT	Tên VTTB	Thông số kỹ thuật	Kiểu loại/Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT
		+ Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cáp điều khiển và cáp nguồn + Giá lắp Recloser + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104					
25	Recloser 35kV/630A (Shneider)	Recloser 35kV/630A (Shneider) + Cách điện khí SF6 + Rating: 38kV, 630A, 12,5kA/1s, 170kV BIL, 50Hz + Tủ điều khiển được trang bị RTU có chức năng SCADA (bao gồm pin và sạc pin) + Cáp điều khiển và cáp nguồn + Giá lắp Recloser + Giao thức truyền thông: IEC60870-5-104		bộ			
26	Máy biến điện áp cấp nguồn 1 pha 2 sứ, ngoài trời ngâm dầu 22/0,22kV-1000VA	Máy biến điện áp cấp nguồn 1 pha 2 sứ, ngoài trời ngâm dầu 22/0,22kV-1000VA cấp nguồn điều khiển cho Recloser (LBS): + Điện áp định mức/điện áp làm việc cao nhất: 22/24kV + Điện áp định mức phía thứ cấp: 0,22kV + Tần số: 50Hz + Công suất định mức: 1000 VA + Điện áp chịu đựng xung sét (1,2/50 μ s) định mức: ≥ 125 kVp		máy	2		
27	Máy biến điện áp cấp nguồn 1 pha 2 sứ, ngoài trời ngâm dầu 35/0,22kV-1000VA	Máy biến điện áp cấp nguồn 1 pha 2 sứ, ngoài trời ngâm dầu 35/0,22kV-1000VA cấp nguồn điều khiển cho Recloser (LBS): + Điện áp định mức/điện áp làm việc cao nhất: 35/38,5kV + Điện áp định mức phía thứ cấp: 0,22kV + Tần số: 50Hz + Công suất định mức: 1000 VA + Điện áp chịu đựng xung sét (1,2/50 μ s) định mức: ≥ 180 kVp		máy	19		
28	Hộp bộ đo lường (MOF) 38,5/0,11kV-200/5A-15VA	Hộp bộ đo lường 1 pha: + Điện áp làm việc Max 40,5kV; Điện áp định mức 38,5kVrms kiểu cảm ứng ngâm trong dầu. Sứ cách điện chiều dài đường dò $\geq 962,5$ mm. Tần số định mức 50Hz. Điện áp chịu đựng xung sét (sóng 1,2/50 μ s) ≥ 190 kVrms. Điện áp chịu		Bộ	1		

TT	Tên VTTB	Thông số kỹ thuật	Kiểu loại/Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa VAT
		đựng tần số nguồn $\geq 80\text{kVrms}$ với sơ cấp và $\geq 3,0\text{kVrms}$ với thứ cấp. Hệ số quá điện áp định mức liên tục $\geq 1,2$ lần, 08h $\geq 1,9$ lần. Khả năng chịu quá tải liên tục 120% dòng định mức, ngắn mạch $\geq 80\text{In}$. Tỷ số biến (38,5/0,11kV)x(200/5A). Dung lượng $\geq 15\text{VA}$. Cấp chính xác 0,5.					
29	Hộp bộ đo lường (MOF) 38,5/0,11kV-300/5A-15VA	Hộp bộ đo lường 1 pha: + Điện áp làm việc Max 40,5kV; Điện áp định mức 38,5kVrms kiểu cảm ứng ngâm trong dầu. Sứ cách điện chiều dài đường dò $\geq 962,5\text{mm}$. Tần số định mức 50Hz. Điện áp chịu đựng xung sét (sóng 1,2/50 μs) $\geq 190\text{kVrms}$. Điện áp chịu đựng tần số nguồn $\geq 80\text{kVrms}$ với sơ cấp và $\geq 3,0\text{kVrms}$ với thứ cấp. Hệ số quá điện áp định mức liên tục $\geq 1,2$ lần, 08h $\geq 1,9$ lần. Khả năng chịu quá tải liên tục 120% dòng định mức, ngắn mạch $\geq 80\text{In}$. Tỷ số biến (38,5/0,11kV)x(300/5A). Dung lượng $\geq 15\text{VA}$. Cấp chính xác 0,5.		Bộ	1		
30	Bộ chuyển đổi nguồn ATS 1 pha 2 cực 63A	Bộ chuyển đổi nguồn ATS 1 pha 2 cực Điện áp sử dụng: 220V Tần số: 50/60 Hz Dòng điện tối đa: 63A		Bộ			
31	Thiết bị Router sử dụng sim 4G	Sim 4G; có tối thiểu 01 khe sim sử dụng các mạng di động Viettel, vina phonne. Giao diện kết nối cổng điện và cổng quang. Có chức năng SCADA; chức năng Bridge; chứng năng bảo mật; chức năng giám sát quản lý		Bộ	21		
32	Áp tô mát - MCB 2 cực loại 10A	Áp tô mát - MCB 2 cực loại 10A		cái			

